

Thông tin sự đồng ý của bệnh nhân đối với việc chữa bệnh *Informovaný souhlas pacienta(tky) s výkonem*

Xạ hình sau khi áp dụng ¹³¹I ***Scintigrafie po aplikaci ¹³¹I***

Thưa quý ông, thưa quý bà, (quý anh, chị) / *Vážená paní, vážený pane,*

xét rằng, với tư cách là một cá nhân độc lập, anh(chị) tham gia một cách đáng kể vào quy trình chẩn đoán và điều trị được đề xuất cho anh(chị), anh(chị) có quyền tất yếu được thông báo chi tiết về các quy trình này trước khi đưa ra quyết định.

Dựa trên tình trạng sức khỏe hiện tại của anh(chị), bác sĩ đã chỉ định khám cho anh(chị) - xạ hình sau khi ứng dụng ¹³¹I.

vzhledem k tomu, že jako svépřávný jedinec se podílíte významným způsobem na diagnostickém a léčebném postupu navrženém u Vaší osoby, máte nezadatelné právo být před Vaším rozhodnutím o těchto postupech podrobně informován.

Na základě Vašeho aktuálního zdravotního stavu Vám byla lékařem indikováno vyšetření – scintigrafie po aplikaci ¹³¹I.

Xạ hình là gì: / *Co je scintigrafie:*

Kiểm tra xạ ảnh là một phương pháp hình ảnh sử dụng bức xạ ion hóa phát ra từ thuốc để thể hiện các cơ quan khác nhau, được gọi là dược phẩm phóng xạ. Đặc tính của mỗi dược phẩm phóng xạ là tích lũy trong một số mô nhất định, do đó có thể quan sát và đánh giá được. Để chẩn đoán toàn diện, việc kiểm tra có thể được bổ sung bằng phương pháp kết hợp, khi CT được thực hiện cùng lúc.

Scintigrafické vyšetření je zobrazovací metodou, která využívá pro znázornění různých orgánů ionizující záření, které vychází z léčiva, tzv. radiofarmaka. Vlastností každého radiofarmaka je se hromadit v určitých tkáních, které je tak možné díky tomu zobrazit a hodnotit. Pro komplexní diagnostiku může být vyšetření doplněno hybridní metodou, kdy je zároveň provedeno CT.

Lý do (dấu hiệu) cho hiệu suất này là gì: / *Jaký je důvod (indikace) tohoto výkonu:*

Việc kiểm tra được chỉ định bởi bác sĩ y học hạt nhân ở những bệnh nhân đã được chứng minh mắc bệnh ung thư tuyến giáp. Việc kiểm tra luôn được thực hiện sau phẫu thuật tuyến giáp (còn gọi là cắt tuyến giáp toàn phần) khi ung thư tuyến giáp biệt hóa đã được xác nhận về mặt mô học và chỉ định điều trị tiếp theo tại khoa y học hạt nhân. Thủ tục này sẽ giúp có thể hình dung được phần còn lại của mô tuyến giáp sau phẫu thuật và bất kỳ sự di căn nào đến các hạch bạch huyết (thường là ở vùng cổ) hoặc các cơ quan ở xa. Nó được thực hiện sau khi sử dụng hoạt động chẩn đoán của ¹³¹I để chứng minh những phần còn sót lại của tuyến giáp và các ổ con của khối u tuyến giáp hoặc sau khi thực hiện hoạt động trị liệu của ¹³¹I để xác minh sự tích tụ của ¹³¹I trong các tiêu điểm đã được chứng minh.

Vyšetření indikuje lékař nukleární medicíny u nemocných s prokázaným karcinomem štítné žlázy. Vyšetření se provádí vždy po operaci štítné žlázy (tzv. totální tyreoidektomii) kdy byl histologicky potvrzen diferencovaný karcinom štítné žlázy a indikována následná léčba na oddělení nukleární medicíny. Tento výkon umožní zobrazit zbytky tkáně štítné žlázy po operaci a případné metastatické poškození v lymfatických uzlinách (nejčastěji v oblasti krku) nebo ve vzdálených orgánech. Provádí se buď po podání diagnostické aktivity ¹³¹I za účelem průkazu zbytků štítné žlázy a dceřiných ložisek nádoru štítné žlázy nebo po podání léčebné aktivity ¹³¹I za účelem ověření akumulace ¹³¹I v prokázaných ložiscích.

Chống chỉ định kiểm tra: / *Kontraindikace vyšetření:*

Chống chỉ định đối tượng là khi mang thai và cho con bú, phải ngừng hoàn toàn ít nhất 8 tuần trước khi khám theo kế hoạch.

Cần phải thông báo trước cho bác sĩ điều trị và nhân viên nơi làm việc về khả năng mang thai và cho con bú.

Kontraindikací pro toto vyšetření je těhotenství a kojení. Laktaci je nutno zcela zastavit minimálně 8 týdnů před plánovaným vyšetřením.

O případném těhotenství a kojení je nutno v předstihu informovat ošetřujícího lékaře i personál pracoviště.

Các lựa chọn thay thế hiệu suất: / Alternativy výkonu:

Việc thực hiện không thể được thay thế bằng một hình thức khám bệnh khác

Výkon není nahraditelný jiným vyšetřením.

Chế độ của bệnh nhân trước khi làm thủ tục như thế nào: / Jaký je režim pacienta před výkonem:

Việc kiểm tra luôn được thực hiện trong thời gian nằm viện tại Phòng khám Y học Hạt nhân của FN Ostrava. Nó đã được lên kế hoạch từ trước và bác sĩ y học hạt nhân sẽ thông báo cho anh(chị) về toàn bộ quá trình chuẩn bị trong thời gian thích hợp. Trừ khi có quy định khác (chế phẩm TSH tái tổ hợp), phải ngừng sử dụng hormone tuyến giáp (thường là Euthyrox hoặc Letrox) 1 tháng trước khi khám và sử dụng iốt dưới mọi hình thức (ví dụ: trong thực phẩm - hải sản, trong thực phẩm bổ sung và thuốc bao gồm iốt). độ tương phản, được sử dụng trước khi chụp CT).

Vyšetření se provádí vždy za hospitalizace na Klinice nukleární medicíny FN Ostrava. Plánuje se s dostatečným předstihem a na celou přípravu budete včas upozorněni lékařem nukleární medicíny. Pokud nebude určeno jinak (příprava rekombinantním TSH) je před vyšetřením potřeba vysadit na 1 měsíc hormony štítné žlázy (nejčastěji Euthyrox nebo Letrox) a vyvarovat se několik měsíců předtím užívání jódu v jakékoliv formě (např. v potravě – mořské produkty, v doplňcích stravy a lécích včetně jodového kontrastu, který se používá před CT vyšetřením).

Thủ tục thực hiện hiệu suất là gì: / Jaký je postup při provádění výkonu:

¹³¹I được dùng dưới dạng viên nang gelatin để nuốt.

Việc kiểm tra được thực hiện 48 giờ sau khi dùng viên nang chẩn đoán, 4 đến 5 ngày sau khi dùng viên nang điều trị. Trong quá trình khám, bạn sẽ nằm ngửa trên bàn khám của thiết bị, chúng tôi sẽ quét toàn bộ cơ thể bạn và theo chỉ định của bác sĩ, có thể thêm chụp cắt lớp SPECT/CT có mục tiêu. Tổng thời gian kiểm tra có thể kéo dài tới 45 phút. Anh(chị) không được di chuyển trong quá trình quét.

¹³¹I se podává ve formě želatinové kapsle určené ke spolknutí.

Vlastní vyšetření se provádí za 48 hodin od podání diagnostické kapsle, za 4 až 5 dní po podání terapeutické kapsle. Při vyšetření budete ležet na zádech na vyšetřovacím stole přístroje, snímáme celé Vaše tělo (popř. v omezeném rozsahu) a dle indikace lékaře je možno doplnit cílené tomografické SPECT/CT vyšetření. Vyšetření tak celkově může trvat až 45 minut. Během snímání se nesmíte hýbat.

Các biến chứng và rủi ro có thể xảy ra là gì: / Jaké jsou možné komplikace a rizika:

Dược phẩm phóng xạ là một loại thuốc có chứa nguyên tố phóng xạ tạo ra bức xạ ion hóa được sử dụng để chụp ảnh. CT sử dụng tia X. Tải lượng bức xạ liên quan đến việc quản lý chẩn đoán ¹³¹I cao hơn so với các thủ tục chẩn đoán bằng phóng xạ cổ điển.

Dược phẩm phóng xạ thực tế không có tác dụng phụ, nguy cơ phản ứng dị ứng là cực kỳ thấp.

Sau khi ngừng sử dụng hormone thay thế, anh(chị) có thể cảm thấy mệt mỏi nhẹ hoặc nặng, buồn ngủ, kém hiệu quả, sưng tấy, ớn lạnh và có thể tăng vài cân (kg).

Radiofarmakum je léčivo, které obsahuje radioaktivní prvek produkující ionizující záření, které je využito k zobrazování. Při CT se používá rentgenové záření. Radiační zátěž spojená s diagnostickým podáním ¹³¹I je vyšší než u klasických radiodiagnostických postupů.

Radiofarmakum nemá prakticky žádné nežádoucí účinky, riziko alergické reakce je extrémně nízké.

Po vysazení hormonální substituce můžete mít obtíže charakteru menší či větší únavy, ospalosti, nevykonnosti, můžete mít otoky, být zimomřiví a event. přibrat na váze i několik kg.

Chế độ của bệnh nhân sau thủ thuật như thế nào: / Jaký je režim pacienta po provedení výkonu:

Việc kiểm tra diễn ra trong thời gian nằm viện tại khoa nội trú của Phòng khám Y học Hạt nhân - chế độ di chuyển, hạn chế và các chi tiết khác sẽ được nhân viên khoa nội trú quy định cụ thể tùy theo lượng phóng xạ trong cơ thể được đo hàng ngày.

Sau khi xuất viện về nhà chăm sóc, nên tránh tiếp xúc thân thể kéo dài với trẻ nhỏ và phụ nữ có thai.

Những vật dụng bị ố màu (ví dụ: tã lót, quần áo,... có dính nước tiểu, máu,...) nên bảo quản trong 96 giờ trong túi nilon bên ngoài không gian sống (ví dụ: tầng hầm, gara, ban công,...) và sau đó chúng có thể được vứt vào thùng rác hoặc giặt thông thường.

Mối quan tâm của bác sĩ là giúp đỡ anh(chị). Bác sĩ sẽ giải thích bản chất của việc kiểm tra y tế và giới thiệu cho anh(chị) các lựa chọn thay thế và biến chứng có thể xảy ra. anh(chị) có thể hỏi bác sĩ ấy những câu hỏi bổ sung. Anh(chị) có quyền từ chối bài kiểm tra được đề xuất.

Vyšetření probíhá za hospitalizace na lůžkovém oddělení Kliniky nukleární medicíny – režim pohybu, omezení a další podrobnosti upřesní personál lůžkové části dle množství radioaktivity v těle, které se každý den měří.

Po propuštění do domácího ošetřování je vhodné se vyhnout delšímu těsnému kontaktu s malými dětmi a těhotnými ženami.

- 1) đánh dấu vào ô tương ứng
- 1) *zaškrtněte odpovídající políčko*

Potřisněné materiály (např. pleny, oblečení, ... močí, krví, ...) je vhodné skladovat 96 hodin v igelitovém pytli mimo obytné prostory (např. ve sklepě, v garáži, na balkoně, ...) a poté je lze vyhodit do běžného odpadu nebo vyprat. Zájemem lékaře je Vám pomoci. Lékař Vám vysvětlí podstatu lékařského vyšetření a seznámí Vás s možnými alternativami i komplikacemi. Můžete mu položit doplňující otázky. Máte právo navržené vyšetření odmítnout.

Dữ liệu nhận dạng của (các) bệnh nhân: / Identifikační údaje pacienta(tky):

Họ: <i>Příjmení:</i>	Tên: <i>Jméno:</i>	Danh hiệu: <i>Titul:</i>	Số sinh: <i>RČ:</i>
-------------------------	-----------------------	-----------------------------	------------------------

Dữ liệu nhận dạng của người đại diện theo pháp luật, người giám hộ:

Identifikační údaje zákonného zástupce, opatrovníka:

Họ: <i>Příjmení:</i>	Tên: <i>Jméno:</i>	Ngày sinh: <i>Datum narození:</i>
-------------------------	-----------------------	--------------------------------------

Hiệu suất dự kiến: / Plánovaný výkon:

Xạ hình sau khi dùng 131I - Scintigrafie po aplikaci ¹³¹I

Cuộc phỏng vấn giải thích được thực hiện bởi:

Vysvětlující pohovor provedl:

con dấu và chữ ký của bác sĩ
identifikace a podpis lékaře

Tôi tuyên bố rằng lý do, lợi ích mong đợi, phương pháp thực hiện, hậu quả, những rủi ro và biến chứng có thể xảy ra khi thực hiện theo kế hoạch đã được giải thích rõ ràng cho tôi. Hơn nữa, tôi đã được giải thích về các lựa chọn thay thế có thể thực hiện được, bao gồm các biến chứng và hậu quả về sức khỏe do không thực hiện quy trình đã định. Tôi đã có cơ hội hỏi bác sĩ mọi điều tôi quan tâm liên quan đến quy trình đã lên kế hoạch và tôi nhận được lời giải thích mà tôi hiểu.

Prohlašuji, že mi byl náležitě objasněn důvod, předpokládaný prospěch, způsob provedení, následky i možná rizika a komplikace plánovaného výkonu. Dále mi byly vysvětleny možné alternativy včetně jejich komplikací a zdravotní důsledky vyplývající z nepodstoupení plánovaného výkonu. Měl(a) jsem možnost zeptat se lékaře na všechno, co mě ve vztahu k plánovanému výkonu zajímá a obdržel(a) jsem vysvětlení, kterému jsem porozuměl(a).

Anh có đồng ý với việc áp dụng bức xạ ion hóa - được phẩm phóng xạ và CT:

Souhlasíte s aplikací ionizujícího záření – radiofarmaka a CT? ¹⁾

☐ CÓ / ANO ☐ KHÔNG / NE

Chị có mang thai không / Jste těhotná? ¹⁾

☐ CÓ / ANO ☐ KHÔNG / NE

Chị có cho con bú không / Kojíte? ¹⁾

☐ CÓ / ANO ☐ KHÔNG / NE

Chị có cho con bú sữa trong 2 tháng qua không

☐ CÓ / ANO ☐ KHÔNG / NE

Kojila jste v období posledních 2 měsíců? ¹⁾

☐ Tôi đồng ý¹⁾ / **Souhlasím¹⁾** / ☐ Tôi không đồng ý¹⁾ / **Nesouhlasím¹⁾**, rằng tài liệu hình ảnh từ cuộc khám bệnh của tôi có thể được sử dụng dưới dạng ẩn danh cho mục đích khoa học và nghiên cứu và có thể được trình bày tại các hội thảo của cơ sở y tế, tại các đại hội, sự kiện. đăng trên các tạp chí chuyên ngành. Tôi đã được thông báo rằng dữ liệu cá nhân của tôi (tên, họ, ngày sinh, số sinh) hoặc các dấu hiệu khác giúp nhận dạng chính xác hơn về con người tôi sẽ không bao giờ và không bao giờ được công bố trong bất kỳ buổi thuyết trình nào của họ.

aby obrazová dokumentace z mého vyšetření mohla být použita v anonymizované formě pro vědecké a studijní účely a mohla být prezentována na seminářích zdravotnických zařízení, na kongresech, event. publikována v odborných časopisech. Byl(a) jsem poučen(a), že při jejich jakékoliv prezentaci nebudou nikdy a nijak zveřejňovány mé osobní údaje (jméno, příjmení, datum narození, rodné číslo) ani další znaky, které by vedly k bližší identifikaci mé osoby.

1) đánh dấu vào ô tương ứng

1) *zaškrtněte odpovídající políčko*

Tôi cũng tuyên bố thêm rằng tôi đã thông báo trung thực cho bác sĩ điều trị về tình hình sức khỏe hiện tại của tôi, bao gồm thông tin về các bệnh truyền nhiễm, về các dịch vụ y tế do các nhà cung cấp khác cung cấp, về việc sử dụng các sản phẩm thuốc, bao gồm cả việc sử dụng các chất gây nghiện, và những thông tin cần thiết khác cho việc cung cấp các dịch vụ y tế và tôi không che giấu bất kỳ tình trạng sức khỏe nào của mình gây trở ngại cho việc thực hiện thủ thuật hoặc có thể liên quan đến việc xuất hiện các biến chứng theo bất kỳ cách nào.

Dále prohlašuji, že jsem pravdivě informoval(a) ošetřujícího lékaře o dosavadním vývoji zdravotního stavu, včetně informací o infekčních nemocech, o zdravotních službách poskytovaných jinými poskytovateli, o užívání léčivých přípravků, včetně užívání návykových látek, a dalších skutečnostech podstatných pro poskytování zdravotních služeb a nezatajil(a) jsem žádné okolnosti svého zdravotního stavu, které jsou překážkou v provedení výkonu či mohou být v jakékoli souvislosti se vznikem komplikací.

Tôi đã được giải thích rằng trong trường hợp có biến chứng không mong muốn đòi hỏi phải thực hiện ngay các thủ tục khác cần thiết để cứu tính mạng hoặc sức khỏe của tôi thì các thủ tục này sẽ được thực hiện.

Bylo mi podáno vysvětlení, že v případě výskytu neočekávaných komplikací vyžadujících neodkladné provedení dalších výkonů nutných k záchraně mého života nebo zdraví, budou tyto výkony provedeny.

Ostrava ngày:

V Ostravě dne:

chữ ký của người bệnh, người đại diện theo pháp luật, người giám hộ
podpis pacienta(tky), zákonného zástupce, opatrovníka

- 1) đánh dấu vào ô tương ứng
- 1) *zaškrtněte odpovídající políčko*